

## BÁO CÁO

### Giá cả thị trường tháng 12 năm 2024 và công tác quản lý nhà nước về giá năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường. Sở Tài chính báo cáo tình hình giá cả thị trường tháng 12 năm 2024 và công tác quản lý nhà nước về giá năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

#### I. Tổng quan về tình hình thị trường, giá cả tháng 12/2024

##### 1. Mặt bằng giá thị trường trên địa bàn tỉnh

Thị trường hàng hoá trên địa bàn tỉnh An Giang tháng 12/2024 cơ bản ổn định, hàng hóa phục vụ nhu cầu tiêu dùng cũng như sản xuất khá dồi dào. So với tháng 11/2024 một số mặt hàng thuộc nhóm lương thực, thực phẩm có giá tăng nhẹ như thóc tẻ, gạo tẻ, cá quả, cá chép, tôm thẻ chân trắng; ngược lại một số mặt hàng có giá giảm nhẹ như thịt lợn, thịt bò, gà, rau, củ, quả các loại, đường. Nhìn chung, mặt bằng giá cả thị trường trong tháng trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu được đảm bảo, không xảy ra tình trạng sốt hàng hay tăng giá bất hợp lý làm bất ổn thị trường.

##### 2. Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trên địa bàn tỉnh An Giang:

###### a) Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ trên địa bàn tỉnh

Theo Báo cáo số 926/BC-CTK ngày 30/12/2024 của Cục Thống kê về phân tích tình hình giá cả thị trường tỉnh An Giang tháng 12 năm 2024, diễn biến chỉ số tiêu dùng (CPI) trên địa bàn tỉnh An Giang, như sau:

Stt	Nhóm hàng	Chỉ số giá tháng 12/2024 so với				
		Kỳ gốc năm 2019 (%)	Cùng tháng năm trước (%)	Tháng 12 năm trước (%)	Tháng trước (%)	Bình quân cùng kỳ (%)
	<b>Chỉ số giá tiêu dùng</b>	118,21	102,34	102,34	100,18	104,31
I	Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	130,57	103,24	103,24	99,87	106,62
	<i>Trong đó: 1. Lương thực</i>	152,20	101,32	101,32	100,55	115,21
	<i>2. Thực phẩm</i>	123,54	103,81	103,81	99,61	104,20

Stt	Nhóm hàng	Chỉ số giá tháng 12/2024 so với				
		Kỳ gốc năm 2019 (%)	Cùng tháng năm trước (%)	Tháng 12 năm trước (%)	Tháng trước (%)	Bình quân cùng kỳ (%)
	<i>3. Ăn uống ngoài gia đình</i>	134,07	103,11	103,11	100,02	107,27
II	Đồ uống và thuốc lá	117,49	104,23	104,23	99,99	106,58
III	May mặc, mũ nón, giày dép	108,47	103,65	103,65	101,54	103,83
IV	Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	113,05	102,17	102,17	100,38	102,67
V	Thiết bị và đồ dùng gia đình	106,98	101,81	101,81	100,29	101,68
VI	Thuốc và dịch vụ y tế	116,68	100,21	100,21	100,01	111,32
	<i>Trong đó: Dịch vụ Y tế</i>	118,63	100,00	100,00	100,00	113,45
VII	Giao thông	105,92	98,01	98,01	100,66	99,20
VIII	Bưu chính viễn thông	104,95	100,00	100,00	100,00	100,00
IX	Giáo dục	117,45	102,82	102,82	100,00	98,95
	<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	120,29	103,33	103,33	100,00	98,13
X	Văn hóa, giải trí và du lịch	106,26	100,95	100,95	100,04	101,86
XI	Hàng hóa và dịch vụ khác	117,72	106,77	106,77	100,08	105,92
	<b>Chỉ số giá vàng</b>	214,50	137,87	137,87	99,51	130,05
	<b>Chỉ số giá đô la Mỹ</b>	109,71	104,44	104,44	100,02	104,74

***b) Phân tích diễn biến CPI và thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI trên địa bàn tỉnh.***

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2024 tăng 0,18% so với tháng trước và tăng 2,34% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân năm 2024, CPI trên địa bàn tỉnh tăng 4,31% so với bình quân cùng kỳ năm trước (CPI bình quân năm 2023 tăng 2,34%).

Nguyên nhân chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2024 tăng 0,18% (khu vực thành thị tăng 0,11%; khu vực nông thôn tăng 0,22%), có 7/11 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước, 2 nhóm hàng giảm giá (gồm nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,13%, đồ uống và thuốc lá giảm 0,01%) và 2 nhóm hàng có giá ổn định (nhóm giáo dục và bưu chính viễn thông ổn định). Trong 7 nhóm hàng tăng giá, nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng cao nhất (+1,54%), tiếp theo lần lượt là nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD (+0,38%), giao thông (+0,66%), nhóm văn hóa, giải trí và du lịch (+0,04%), nhóm hàng hóa và dịch vụ khác (+0,08%), nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,29%), nhóm thuốc và dịch vụ y tế (+0,01%).

**3. Thống kê mức giá hàng hóa, dịch vụ:** theo Bảng giá thị trường 12/2024 trên địa bàn tỉnh An Giang đính kèm.

## II. Diễn biến giá thị trường của một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu

### 1. Lương thực - thực phẩm:

- Giá bình quân mặt hàng lương thực so với tháng 11/2024: giá lúa (thóc tẻ) mua tại ruộng đối với Lúa Đài thơm 8 là 8.680 đồng/kg, tăng 40 đồng/kg (tương đương 0,46%), lúa OM 18 là 8.700 đồng/kg, tăng 30 đồng/kg (tương đương 0,35%), lúa IR 50404 là 7.420 đồng/kg, tăng 40 đồng/kg (tương đương 0,54%); gạo tẻ Hương Lài là 22.100 đồng/kg, tăng 100 đồng/kg (tương đương 0,45%); gạo tẻ thơm Jasmine là 19.280 đồng/kg, tăng 80 đồng/kg (tương đương 0,42%) và gạo tẻ trắng thông dụng là 17.240 đồng/kg, tăng 90 đồng/kg (tương đương 0,52%).

- Giá bình quân mặt hàng thực phẩm so với tháng 11/2024: giá thịt lợn hơi là 64.768 đồng/kg, giảm 299 đồng/kg (tương đương 0,46%); giá thịt lợn nạc thăn là 124.000 đồng/kg, giảm 500 đồng/kg (tương đương 0,4%); giá thịt bò thăn: 241.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg (tương đương 0,41); thịt bò bắp: 213.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg (tương đương 0,47%); gà ta: 122.500 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg (tương đương 0,81%); gà công nghiệp: 77.250 đồng/kg, giảm 350 đồng/kg (tương đương 0,45%); cá quả (cá lóc nuôi): 50.850 đồng/kg, tăng 100 đồng/kg (tương đương 0,2%); cá chép: 56.200 đồng/kg, tăng 200 đồng/kg (tương đương 0,36%).

- Tôm thẻ chân trắng: 190.000 đồng/kg, tăng 2.000 đồng/kg (tương đương 1,06%); bắp cải trắng: 16.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg (tương đương 5,88%); cải xanh: 15.800 đồng/kg, giảm 200 đồng (tương đương 1,25%); bí xanh: 18.400 đồng/kg, giảm 700 đồng/kg (tương đương 3,66%); cà chua: 34.900 đồng/kg, giảm 100 đồng (tương đương 0,29%); đường cát trắng tinh luyện 31.200 đồng/kg, giảm 100 đồng (tương đương 0,32%); đường cát trắng nguyên: 23.300 đồng/kg, giảm 100 đồng (tương đương 0,43%). Mặt khác, giá giò lụa không thay đổi so với tháng trước: 180.000 đồng/kg.

### 2. Vật tư nông nghiệp:

Giá bình quân của một số mặt hàng vật tư nông nghiệp tăng nhẹ so với tháng 11/2024, cụ thể: Phân NPK Việt Nhật (16-16-8): 12.827 đồng/kg, tăng 117 đồng/kg (tương đương 0,92%); Phân đạm Urê Cà Mau: 10.574 đồng/kg, tăng 120 đồng/kg (tương đương 1,15%); Phân DAP Cà Mau: 17.450 đồng/kg, tăng 50 đồng/kg (tương đương 0,29%). Riêng thức ăn hỗn hợp cho heo (bao 25 kg): 550.000 đồng/bao và thức ăn cho cá tra, basa (bao 25kg): 485.000 đồng/bao (mức giá không đổi so với tháng trước).

### 3. Vật liệu xây dựng, chất đốt:

- Giá bình quân của một số mặt hàng xi măng có giá không đổi so với kỳ báo cáo tháng 11/2024: xi măng PCB 30 (xi măng POOC LĂNG, Sư tử, bao 50kg): 62.000 đồng/bao, xi măng PCB 50 (xi măng ACIFA, bao 50kg): 72.000 đồng/bao, xi măng PCB 40 (xi măng An Giang, bao 50kg): 76.000 đồng/bao.

- Giá bình quân mặt hàng thép so với tháng 11/2024: thép cuộn D6 CB 240: 16.073 đồng/kg, tăng 53 đồng/kg (tương đương 0,33%); thép cuộn D8 CB 240:

16.057 đồng/kg, tăng 53 đồng/kg (tương đương 0,33%); thép thanh vằn D10 CB 300: 16.340 đồng/kg, tăng 40 đồng/kg (tương đương 0,25%). Riêng các loại vật liệu xây dựng như: phối thép các loại, thép góc các loại không khảo sát được giá do hiện nay các cửa hàng trên địa bàn tỉnh không kinh doanh các mặt hàng này.

- Giá bình quân mặt hàng cát các loại so với tháng 11/2024: Cát vàng hạt nhỏ dùng trong xây dựng (mua rời dưới 2m<sup>3</sup>/lần tại nơi cung ứng, không phải nơi khai thác) có giá: 292.000 đồng/m<sup>3</sup>, giảm 28.000 đồng/m<sup>3</sup> (tương đương 8,75%); cát vàng hạt to dùng trong xây dựng (mua rời dưới 2m<sup>3</sup>/lần tại nơi cung ứng, không phải nơi khai thác) có giá không đổi: 320.000 đồng/m<sup>3</sup>. Riêng loại cát đen dùng trong xây dựng và cát đen đổ nền không khảo sát được giá do hiện nay các cửa hàng không có các loại cát này; gạch xây có giá không thay đổi: 1.370 đồng/viên.

- Giá bình quân chất đốt so với tháng 11/2024: khí dầu mỏ hóa lỏng (gas SP bình 12kg): 34.050 đồng/kg, tăng 415 đồng/kg (tương đương 1,23%).

**4. Dịch vụ y tế:** Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh có giá ổn định so với tháng 11/2024: giá khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước: 42.100 đồng/lượt và dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân: 70.000 đồng/lượt.

**5. Giao thông:** Giao thông có mức giá dịch vụ ổn định so với tháng 11/2024, cụ thể: Giá trông giữ xe máy (ban ngày): 2.000 đồng/lượt, trông giữ xe ô tô xe 12 chỗ trở xuống (ban ngày): 5.000 đồng/lượt, giá cước taxi (06 km đầu loại xe 4 chỗ): 13.000 đồng/km; giá bình quân dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ (tuyến Long Xuyên - Thành phố Hồ Chí Minh): 180.000 đồng/lượt.

**6. Dịch vụ giáo dục:** Dịch vụ giáo dục có mức giá ổn định so với tháng trước, cụ thể: dịch vụ giáo dục trường mầm non công lập: 120.000 đồng/tháng; dịch vụ giáo dục trường trung học phổ thông công lập: 75.000 đồng/tháng; dịch vụ giáo dục đào tạo đại học công lập hoặc tương đương đại học công lập: 1.170.000 đồng/tháng; dịch vụ đào tạo nghề công lập (Trung cấp): 780.000 đồng/tháng.

### **III. Tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá năm 2024**

#### **1. Tình hình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giá**

- Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá và Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; Sở Tài chính trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 01/11/2024 quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh An Giang làm cơ sở triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh (thay thế Quyết định số 80/2017/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh An Giang phù hợp theo quy định của Luật Giá năm 2023.

**Kết quả** công tác tham mưu UBND tỉnh ban hành các quy định được kịp thời, đúng quy định, tạo khung pháp lý đầy đủ trong công tác quản lý, điều hành giá nhà nước trên địa bàn tỉnh.

## **2. Công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh**

- Trình UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành trong công tác quản lý, điều hành giá năm 2024 trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Tài chính, cụ thể: Văn bản chỉ đạo điều hành số 151/UBND-KTTH ngày 02/02/2024 về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024; Văn bản chỉ đạo điều hành số 1581/UBND-KTTH ngày 07/11/2024 đẩy mạnh, tăng cường các biện pháp quản lý, điều hành giá sau bão Yagi và công tác quản lý, điều hành giá trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Tài chính theo quy định.

- Công tác tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá được duy trì thực hiện thường xuyên, từ đầu năm 2024 đến tháng 11/2024 đã tiếp nhận 817 hồ sơ, trong đó chủ yếu là các mặt hàng như: xăng, dầu, gas, thép, điện, cát...do có biến động thay đổi giá. Căn cứ Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 01/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh An Giang, theo đó từ ngày 11/11/2024 các sở, ngành thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ kê khai giá theo ngành, lĩnh vực quản lý.

- Tổ chức thẩm định 11 hồ sơ phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh theo đúng quy trình, thủ tục, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Ứng dụng phần mềm quản lý giá tại địa phương trong công tác quản lý giá, thu thập giá thị trường trên địa bàn tỉnh An Giang; phối hợp hỗ trợ các đơn vị và địa phương thực hiện nhập liệu, khai thác và vận hành phần mềm quản lý giá tại địa phương; phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp Tập tin dữ liệu Giá cả thị trường hàng tháng trên địa bàn tỉnh để đăng tải trên cổng TTĐT tỉnh.

- Trình UBND tỉnh Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang (Quyết định số 2124/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh).

- Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng các quy định của Luật Giá và các văn bản quy định chi tiết Luật Giá đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Trung tâm Dữ liệu Quốc gia và Dịch vụ về giá - Cục Quản lý Giá, Bộ Tài chính mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thẩm định giá nhà nước tại tỉnh An Giang (dự kiến tổ chức Quý I/2025).

**Kết quả**, công tác quản lý, điều hành giá năm 2024 trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng cho người dân, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu được đảm bảo, không xảy ra tình trạng sốt hàng hay tăng giá bất hợp lý làm bất ổn thị trường. Công tác triển khai các quy định của Luật Giá năm 2023 và các văn bản có liên quan đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị được kịp thời, hiệu quả; kịp thời hoàn thiện điều kiện chuyên môn cho thành viên tham gia Hội đồng thẩm định giá nhà nước theo quy định tại Điều 60 Luật Giá năm 2023.

#### **IV. Dự báo giá thị trường**

1. Dự báo diễn biến mặt bằng giá thị trường và giá một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và đánh giá tác động dự kiến lên CPI: Dự báo thị trường hàng hoá tháng 01/2025 giá cả một số mặt hàng lương thực, thực phẩm, chất đốt, giao thông sẽ tăng nhẹ do cận Tết; giá vật liệu xây dựng, dịch vụ y tế, giáo dục trên địa bàn tỉnh ít biến động.

2. Dự kiến phương án giá điều chỉnh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (nếu có): Tiếp tục tổ chức rà soát các văn bản định giá để lập phương án giá điều chỉnh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định của Luật Giá 2023 và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

#### **V. Giải pháp, biện pháp quản lý, điều tiết giá**

Theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các sở, ngành và địa phương chủ động trong công tác quản lý, kê khai, niêm yết và công khai thông tin về giá các mặt hàng theo chức năng nhiệm vụ được giao. Trong trường hợp có biến động lớn về giá, căn cứ quy định tại Luật Giá, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định của pháp luật.

Trên đây là tình hình giá cả thị trường tháng 12/2024 và công tác quản lý nhà nước về giá năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang./.

#### **Nơi nhận:**

- VP Bộ Tài chính (TP.HCM);
- Cục Quản lý Giá;
- VP Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Sở CT, Cục HQ, Cục QLTT; Cục thống kê;
- Sở Tài chính các tỉnh;
- Phòng TCKH huyện, thị xã, TP;
- Ban Giám đốc Sở;
- Trung tâm TD&DVTC;
- Công TTĐT Sở Tài chính;
- Lưu: VT, P.GCS.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Quốc Bình**